

Số: 142 /KH-THLQĐ

Nhà Bè, ngày 15 tháng 7 năm 2024

KẾ HOẠCH

Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của trường Tiểu học Lê Quang Định

Căn cứ Quyết định số 1411/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Kế hoạch tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 214/KH-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Huyện về triển khai chương trình chuyển đổi số giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 269/KH-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Huyện về Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Nhà Bè;

Trường Tiểu học Lê Quang Định xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 với những nội dung cụ thể sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Nhằm cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đảm bảo phù hợp với đặc điểm tình hình kinh tế, xã hội và các chủ trương, chính sách phát triển giáo dục để đẩy mạnh triển khai các nội dung về chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trong nhà trường.

Cụ thể hóa trách nhiệm của các phòng, ban, đơn vị, chính quyền xã có liên quan trong việc phối hợp với nhà trường triển khai từng nội dung thực hiện mục tiêu chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo đảm bảo chức năng, nhiệm vụ, thời gian và hiệu quả.

Kế hoạch này là căn cứ để nhà trường triển khai và chỉ đạo, tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân Huyện giao.

2. Yêu cầu

Lựa chọn các nội dung có tính cấp bách, tạo chuyển biến đột phá và có hiệu quả thiết thực để triển khai trước; chú trọng các giải pháp căn bản, toàn diện, tiết kiệm và bền vững; ưu tiên bố trí, đảm bảo nguồn lực theo phân cấp.

Nhà trường bám sát nhiệm vụ được phân công, tăng cường hướng dẫn, đôn đốc triển khai và kiểm tra, đánh giá; tham mưu sơ kết, kịp thời rút kinh nghiệm những nội dung còn tồn tại.

Nhà trường phải cụ thể hóa, tích hợp vào kế hoạch phát triển hàng năm để chuyển đổi số vừa là điều kiện đảm bảo, vừa là chuẩn đầu ra phù hợp với bậc học, trình độ đào tạo.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Đổi mới cách tư duy, đổi mới cách dạy và học, đổi mới mô hình quản lý và cung cấp dịch vụ.
- Chuyển đổi cách dạy và học, phương thức quản lý dựa trên nền tảng công nghệ số hướng tới một hệ thống giáo dục chất lượng tốt, chi phí thấp và tiếp cận dễ dàng với mọi người; đưa tương tác, trải nghiệm trên môi trường số trở thành hoạt động giáo dục thiết yếu, hàng ngày với mỗi người học và nhà giáo, nâng cao năng lực tự học của người học. Khai thác tối đa tiến bộ công nghệ để giúp thầy dạy tốt hơn, trò học dễ hơn, công tác quản lý nhẹ nhàng hơn.
- Hình thành những nền tảng giáo dục mở, chia sẻ phục vụ cộng đồng, dựa trên sức mạnh cộng đồng.
- Tạo môi trường làm việc điện tử trong phạm vi toàn trường góp phần cải tiến bộ máy tổ chức, cải cách hành chính và giáo dục điện tử như: Quản lý điều hành, tổ chức giảng dạy, kiểm tra đánh giá, tuyển sinh đầu cấp trực tuyến, quản lý hệ thống thông tin dữ liệu trực tuyến, vận hành tốt lớp học thông minh,....
- Hướng đến phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nâng cao năng lực khoa học và công nghệ nhằm thúc đẩy phát triển nền kinh tế số, xã hội số và quốc gia số.

2. Mục tiêu cụ thể

- Xây dựng cơ sở hạ tầng số theo hướng hiện đại, thiết thực và hiệu quả dựa trên nền tảng hệ thống các phần mềm hỗ trợ quản lý, điều hành, phần mềm quản lý trường học đồng bộ với hệ thống cơ sở dữ liệu ngành (csdl.hcm.edu.vn), cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các hạ tầng thông tin dùng chung khác để tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện.
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và các nền tảng số để đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học, kết hợp học trên lớp và học trực tuyến, kiểm tra và đánh giá kết quả dạy và học với các nền tảng giáo dục mới (phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến; ứng dụng công nghệ số để giúp học sinh ôn tập bài tại nhà và sự chuẩn bị của học sinh trước khi đến lớp học...).
- Đảm bảo hạ tầng kỹ thuật và trang thiết bị công nghệ thông tin trường học bao gồm máy tính, đường truyền và trang thiết bị phù hợp để thực hiện các mô hình dạy học mới.
- Thúc đẩy các mô hình dạy học kết hợp như lớp học thông minh, bài giảng tương tác nhằm mở rộng hoạt động học tập của học sinh ra ngoài phạm vi lớp học; nâng cao hiệu quả dạy học trên lớp, phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu của học sinh. Việc thúc đẩy dạy học kết hợp cũng là phương án để tiến tới dạy học cá nhân hóa, hỗ trợ phát triển năng lực của người học theo tinh thần của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng tin học cho học sinh phổ thông.

- Xây dựng kho học liệu số dùng chung nhằm giúp giáo viên xây dựng và triển khai các bài giảng trên môi trường LMS (Learning Management System - Hệ thống học tập trực tuyến) nhanh chóng và hiệu quả hơn. Từng đơn vị học liệu được xây dựng dựa trên nội dung kiến thức của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, được định danh thống nhất và chia sẻ đến các hệ thống LMS. Dữ liệu hành vi tương tác của học sinh trên học liệu sẽ được lưu trữ phục vụ cho việc phân tích, cá nhân hóa việc học, tạo nền tảng dữ liệu lớn mở đường cho việc triển khai các giải pháp trí tuệ nhân tạo (AI) trong hoạt động giáo dục.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo bồi dưỡng giúp nâng cao nhận thức và kỹ năng số của đội ngũ nhân sự trong nhà trường; giúp giáo viên, cán bộ quản lý hiểu và sử dụng công nghệ một cách hiệu quả. Tập trung vào các nội dung căn bản như kỹ năng quản trị số, tổ chức lớp học trực tuyến, xây dựng bài giảng tương tác và các nội dung nâng cao như kiến thức về hệ thống dữ liệu, công nghệ AI,...

III. CHỈ TIÊU

1. Chỉ tiêu đến năm 2025

a) Đổi mới mạnh mẽ phương thức tổ chức giáo dục, đưa dạy và học trên môi trường số trở thành hoạt động giáo dục thiết yếu, hàng ngày đối với nhà trường, mỗi nhà giáo và mỗi người học

- Về tiếp cận giáo dục trực tuyến: Trên 80% học sinh và giáo viên có đủ điều kiện (về phương tiện, đường truyền, phần mềm) tham gia có hiệu quả các hoạt động dạy - học trực tuyến.

- Đảm bảo nhà trường có ít nhất 01 phòng học tương tác thông minh.

- Về môi trường giáo dục trực tuyến:

+ Hình thành nền tảng tổ chức, quản lý hoạt động dạy và học trực tuyến là sản phẩm trong nước với trên 80% người học sử dụng.

+ Hình thành kho học liệu, nền tảng quản lý và chia sẻ học liệu trực tuyến đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho 100% nội dung chương trình giáo dục phổ thông. Nền tảng quản lý đáp ứng nhu cầu truy cập mọi lúc, mọi nơi của học sinh và có thể cung cấp mở rộng các nội dung phát triển kỹ năng, năng lực cho học sinh.

+ Phần đầu hoàn thành xây dựng cổng thư viện số (giáo trình, bài giảng, học liệu số) và hệ thống học trực tuyến tại trường học; 100% học sinh được tiếp cận kho học liệu trực tuyến.

+ Hình thành một nền tảng khảo sát trực tuyến đáp ứng khoảng 80% nhu cầu tổ chức các đợt khảo sát tại đơn vị.

- Về quy mô hoạt động giáo dục trực tuyến:

Tỷ trọng tối thiểu về nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới hình thức trực tuyến đạt trung bình 25% ở bậc tiểu học.

Đổi mới mạnh mẽ phương thức quản lý, điều hành dựa trên công nghệ và dữ liệu, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và chất lượng cung cấp dịch vụ hỗ trợ của đơn vị.

- Về quản trị nhà trường:

Đảm bảo áp dụng hệ thống quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu dùng chung và

công nghệ số, trong đó:

+ 100% học sinh, nhà giáo được quản lý bằng hồ sơ số với định danh duy nhất và thống nhất toàn quốc.

+ 100% cơ sở vật chất, thiết bị và các nguồn lực khác phục vụ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu được quản lý bằng hồ sơ số.

- Về quản lý giáo dục:

Hệ thống thông tin quản lý được thiết lập và vận hành hiệu quả, trong đó:

+ Cơ sở dữ liệu toàn ngành được hoàn thiện đảm bảo tiêu chí “sống, sạch, đủ”, kết nối thông suốt với tất cả các cơ sở giáo dục đảm bảo cung cấp thông tin quản lý một cách thống nhất, đầy đủ, tin cậy và kịp thời; được kết nối và chia sẻ hiệu quả với các cơ sở dữ liệu quốc gia.

+ Đơn vị được vận hành chủ yếu dựa trên dữ liệu và công nghệ số, trong đó 100% hồ sơ công việc được giao dịch và giải quyết trên môi trường số (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

- Về dịch vụ hỗ trợ người học, người dân:

+ 100% thủ tục hành chính lĩnh vực giáo dục đủ điều kiện được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (hoặc mức độ 3 nếu không phát sinh thanh toán).

+ Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 50%.

+ Tỷ lệ người học, phụ huynh hài lòng về chất lượng dịch vụ trực tuyến đạt trung bình 80%.

+ Tỷ lệ tổ chức, cá nhân hài lòng về chất lượng dịch vụ công trực tuyến của đạt trung bình 80%.

+ Hoàn thiện và đưa vào sử dụng bản đồ Hệ thống Thông tin địa lý (Geographic Information System - gọi tắt là GIS) về giáo dục kết hợp với Hệ thống Tuyển sinh các lớp đầu cấp hỗ trợ người học và phụ huynh học sinh chọn trường khi xét tuyển phù hợp với khoảng cách địa lý.

2. Định hướng chỉ tiêu đến năm 2030

Cơ bản thực hiện thành công chuyển đổi số toàn diện, đưa tất cả thành tố của hệ thống giáo dục vào môi trường số, cụ thể trong đó:

- Hoàn thiện một nền tảng dạy và học trực tuyến tích hợp kho học liệu số hỗ trợ 100% người học và nhà giáo tham gia có hiệu quả các hoạt động giáo dục trực tuyến; đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho toàn bộ chương trình giáo dục phổ thông.

- 100% nguồn lực giáo dục, chương trình giáo dục và đối tượng giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân được quản lý trên môi trường số, kết nối thông suốt toàn Ngành và liên thông với các cơ sở dữ liệu, thông tin quốc gia.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tuyên truyền chuyển đổi tư duy, nhận thức về chuyển đổi số

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về vai trò, lợi ích của chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục mang lại xuất phát từ nhận thức của Thủ trưởng đơn vị trường

học để tạo sức lan tỏa, đồng tình ủng hộ của mỗi cá nhân trong nhà trường.

- Tranh thủ và khuyến khích sự tham gia chủ động, tích cực của phụ huynh, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp cùng góp ý, giám sát và sử dụng các dịch vụ công, tiện ích của chuyển đổi số thuộc lĩnh vực giáo dục.

- Tranh thủ các kênh hỗ trợ trực tuyến để giới thiệu, hỗ trợ phụ huynh, học sinh, tổ chức khi sử dụng các dịch vụ giáo dục trực tuyến.

2. Vận dụng, khai thác hệ thống cơ sở dữ liệu

- Tiếp tục duy trì, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu (csdl.hcm.edu.vn) của ngành giáo dục tích hợp, đồng bộ với các hệ thống phần mềm quản lý giáo dục khác để vận dụng, khai thác; kết nối đồng bộ, đầy đủ, toàn diện dữ liệu từ cơ sở giáo dục đến Phòng, Sở và Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đồng thời, tích hợp, đồng bộ cơ sở dữ liệu ngành với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các hệ thống cơ sở dữ liệu khác cần thiết đối với lĩnh vực giáo dục giúp phục vụ tốt cho công tác báo cáo, theo dõi, giám sát, thống kê, dự báo, thanh kiểm tra của các cơ quan quản lý giáo dục.

- Từng bước xây dựng, phát triển nền tảng dữ liệu mở về giáo dục và thu thập dữ liệu kết hợp với dữ liệu chia sẻ từ các hệ thống cơ sở dữ liệu khác hướng tới hình thành hệ sinh thái dữ liệu mở trong ngành Giáo dục và Đào tạo Huyện và mạng thông tin giáo dục Thành phố, Quốc gia.

3. Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật, phương tiện hiện đại

- Đảm bảo các điều kiện về hạ tầng số, trang thiết bị hiện đại triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục; triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin các hệ thống số hóa, đảm bảo an toàn trong các hoạt động dạy - học và làm việc trên môi trường số. Ưu tiên đảm bảo kết nối Internet với đường truyền có tốc độ và khả năng chịu tải cao đủ cho các máy tính cấu hình mạnh tại tất cả các lớp học hoạt động cùng lúc trong một thời điểm.

- Tiếp tục đầu tư trang thiết bị dạy học cho các lớp học, xây dựng lớp học thông minh, hình thành và phát triển hệ thống phòng học tương tác thông minh, công nghệ phân tích dữ liệu lớn (Big Data), công nghệ học máy (Machine Learning), trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence - gọi tắt là AI) vào các lĩnh vực nghiên cứu, thực hành trong giáo dục và đào tạo; thiết kế phòng thực hành giáo dục STEM (Science, Technology, Engineering, Math) tại đơn vị.

4. Phát triển các ứng dụng - xây dựng nền tảng số phục vụ quản trị cơ sở giáo dục

- Tiếp tục triển khai hệ thống chữ ký số, chứng thư số phục vụ việc xác thực dữ liệu và số hóa, phù hợp.

- Trên nền tảng cơ sở dữ liệu, triển khai các ứng dụng hồ sơ điện tử, sổ liên lạc điện tử giữa nhà trường với gia đình (như eNetViet), duy trì thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt,... kết nối với các nền tảng ứng dụng trong và ngoài ngành giáo dục góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng xã hội số. Lựa chọn các nền tảng ứng dụng di động có khả năng đồng bộ với các hệ thống thông tin của ngành Giáo dục và Đào tạo để cung cấp các dịch vụ về giáo dục, hướng tới mạng xã hội dịch vụ giáo dục.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; tổ chức đánh giá, công bố

chỉ số chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng.

5. Ứng dụng nền tảng số phục vụ đổi mới dạy và học

- Triển khai, thí điểm các mô hình dạy và học tiên tiến trên nền tảng số theo hướng dạy học kết hợp (lớp học, phòng học thông minh; nhóm học tương tác; tự học với trợ lý ảo;...) phù hợp với điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế của giáo dục phổ thông.

- Ứng dụng nền tảng số dạy và học trực tuyến với các tính năng tiên tiến hỗ trợ học tập cá thể hóa và tăng cường trải nghiệm.

- Tham gia phát triển, khai thác các kho học liệu số, học liệu mở chia sẻ dùng chung toàn ngành giáo dục như bài giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác cho tất cả các môn học của giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên.

- Xây dựng kho học liệu số theo các giai đoạn như sau: Nhà trường tập hợp kho dữ liệu, chuyển về Phòng Giáo dục và Đào tạo Huyện thẩm định để chuyển đổi sang học liệu số.

- Xây dựng và sử dụng hiệu quả thư viện thông minh trong đơn vị; xây dựng và khai thác Cổng thư viện số kết nối liên thông với các kho học liệu số.

6. Ứng dụng nền tảng số trong đổi mới phương thức kiểm tra, đánh giá

- Tham gia phát triển và khai thác tốt hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến cho tất cả môn học của giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên; tham gia cập nhật, chuẩn hóa và sử dụng hệ thống ngân hàng đề thi được số hóa phục vụ cho các kỳ thi, kiểm tra tổ chức tại đơn vị.

- Tăng cường tổ chức kiểm tra, thi trên máy tính, thi trực tuyến được thực hiện từ cơ sở giáo dục.

7. Tăng cường đảm bảo an toàn, an ninh mạng

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chuyển đổi nhận thức và hành động nâng cao ý thức, trách nhiệm bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

- Nhà trường định kỳ đánh giá các nguy cơ về mất an toàn, an ninh mạng để từ đó chủ động đề xuất, triển khai các giải pháp nhằm đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho hệ thống thông tin của đơn vị theo đúng cấp độ an toàn thông tin của hệ thống thông tin cũng như hạ tầng kỹ thuật thông tin của đơn vị theo Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ và Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông. Áp dụng đồng bộ hệ thống xác thực chữ ký số chuyên dùng.

8. Phát triển nguồn nhân lực

- Xây dựng kế hoạch đầu tư cho việc đào tạo đội ngũ cán bộ trực tiếp tham gia thực hiện công cuộc chuyển đổi số của ngành giáo dục về các công nghệ số áp dụng trong giáo dục và đào tạo gồm các tiêu chuẩn công nghệ thông tin giáo dục, các công nghệ số về dữ liệu lớn, dữ liệu di động (4G, 5G,...) làm nòng cốt trong chuyển đổi số giáo dục.

- Tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật nâng cao nhận thức, phát triển năng lực, kỹ năng số cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh thực hiện Kế hoạch Chuyển đổi số lĩnh vực giáo dục và đào tạo đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Hình thành mạng lưới cốt cán chuyên môn chuyển đổi số ngành giáo dục và đào tạo làm nòng cốt thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số giáo dục.

V. NHU CẦU VÀ KINH PHÍ ĐẦU TƯ CHO CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Nhu cầu đầu tư cơ sở vật chất và kinh phí duy trì các phần mềm, hệ thống trực tuyến giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030

- Thực hiện Đề án “Giáo dục thông minh và học tập suốt đời trên địa bàn huyện Nhà Bè giai đoạn 2021 - 2030” từ năm 2023 đến năm 2025; Đề án “Xây dựng huyện Nhà Bè trở thành đô thị thông minh” và Kế hoạch triển khai Chương trình Chuyển đổi số, Huyện đã chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức rà soát nhu cầu đầu tư tăng cường cơ sở vật chất (phòng học thông minh, thư viện thông minh, phòng thực hành giáo dục STEM,...) và các hạng mục ứng dụng công nghệ thông tin khác của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Huyện để dự báo đề xuất phân kỳ nhu cầu đầu tư cơ sở vật chất và kinh phí duy trì các phần mềm, hệ thống trực tuyến từ nay đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 cụ thể như sau:

a) Nhu cầu đầu tư tăng cường cơ sở vật chất

Phòng học thông minh (800 triệu/phòng học). Nguồn vốn thực hiện dự kiến từ ngân sách nhà nước và xã hội hóa được phân kỳ theo từng giai đoạn.

b) Nhu cầu kinh phí duy trì các phần mềm, hệ thống trực tuyến

- Tiếp tục thực hiện duy trì, nâng cấp phần mềm tuyển sinh học sinh phổ thông vào các lớp đầu cấp (lớp 1) tại cơ sở giáo dục công lập giai đoạn 2021 - 2025 theo kế hoạch (16,5 triệu đồng/trường/5 năm học); trong đó, nhu cầu kinh phí năm 2024 (3,3 triệu đồng/trường).

- Triển khai thực hiện phần mềm quản lý thiết bị dạy học trong hai năm 2024, 2025 (6,5 triệu đồng/trường); trong đó, nhu cầu kinh phí khởi tạo, phí phần mềm năm đầu tiên (năm 2024) (05 triệu đồng/trường) và phí gia hạn duy trì phần mềm năm 2025 (1,5 triệu đồng/trường). Từ sau năm 2025 trở đi, phí gia hạn duy trì phần mềm hàng năm dự kiến (1,5 triệu đồng/trường).

- Phần mềm quản lý thư viện trong hai năm 2024, 2025 (07 triệu đồng/trường); trong đó, nhu cầu kinh phí khởi tạo, phí phần mềm năm đầu tiên (năm 2024) (05 triệu đồng/trường) và phí gia hạn duy trì phần mềm năm 2025 (2,5 triệu đồng/trường). Từ sau năm 2025 trở đi, phí gia hạn duy trì phần mềm hàng năm dự kiến là (2,5 triệu đồng/trường).

- Tiếp tục duy trì phần mềm thu học phí HKDPro (1,3 triệu đồng/ năm).

- Tiếp tục duy trì phần mềm kế toán HCSN Imas (2,7 triệu đồng/ năm); phần mềm TSNN (1,8 triệu đồng/ năm).

- Tiếp tục duy trì phần mềm cổng thông tin điện tử (2,4 triệu đồng/ năm).

2. Nguồn kinh phí đầu tư thực hiện

- Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch Chuyển đổi số từ ngân sách nhà nước bao gồm chi thường xuyên theo phân cấp ngân sách và chi đầu tư phát triển được cân đối hàng năm theo quy định để thực hiện các chương trình, dự án nhằm triển khai Kế hoạch Chuyển đổi số; kinh phí tự cân đối và huy động hợp pháp khác của đơn vị thuộc đối

tượng tham gia Kế hoạch Chuyển đổi số.

- Nguồn vận động xã hội hóa, tài trợ.
- Khuyến khích nguồn kinh phí đầu tư huy động từ cá nhân, doanh nghiệp, khu vực tư nhân; tăng cường sử dụng nguồn kinh phí lồng ghép trong các chương trình, đề án liên quan đã được phê duyệt và các nguồn kinh phí hợp pháp khác để thực hiện.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Căn cứ Kế hoạch của Huyện và Phòng, nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo đảm bảo đạt hiệu quả, đúng tiến độ Kế hoạch đề ra.

- Hàng năm, tổng hợp kết quả triển khai, thực hiện Kế hoạch; nhận định, rút kinh nghiệm mặt thực hiện tốt và mặt còn bất cập; đề xuất, kiến nghị điều chỉnh, bổ sung nội dung Kế hoạch (nếu có) gửi về Phòng Giáo dục và Đào tạo để báo cáo.

Trên đây là Kế hoạch Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của trường Tiểu học Lê Quang Định./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT “để báo cáo”;
- CBQL, GV, NV “để thực hiện”;
- Lưu: VT, PHT.



HIỆU TRƯỞNG

Võ Thị Lại